

Số: 4.4.b...../TC-KT

V/v: Giải trình báo cáo Tài chính hợp nhất quý
III/2014 với quý III/2013.

Thái bình, ngày 10 tháng 11 năm 2014

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung (TTZ) xin gửi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng.

Theo quy định tại thông tư số 09/2010/TT-BTC về việc công bố thông tin định kỳ của các tổ chức niêm yết, trường hợp kết quả hoạt động kinh doanh giữa 2 kỳ báo cáo có biến động từ 10% trở lên thì Công ty niêm yết phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường trong báo cáo tài chính quý.

Theo đó, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình về kết quả kinh doanh báo cáo hợp nhất giữa quý III/2014(Kỳ báo cáo) và báo cáo quý III/2013 như sau:

STT	Nội dung	Quý III/2014	Quý III/2013	Thay đổi + (%) giữa QIII/2014 so với QIII/2013
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	6,948,408,001	9,157,447,375	
	Doanh thu hoạt động chính	6,948,318,407	9,157,334,973	76%
	Doanh thu hoạt động tài chính	89,594	112,402	80%
2	Tổng chi phí	6,755,317,314	9,486,040,511	
	Giá vốn hàng bán	6,099,186,804	7,724,840,254	79%
	Chi phí bán hàng	277,410,745	914,068,320	30%
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	378,719,765	847,131,937	45%
3	Lợi nhuận trước thuế	193,090,687	(328,593,136)	59%
4	Lợi nhuận sau thuế	131,980,494	(328,593,136)	71%

1. Giải trình chênh lệch doanh thu

Doanh thu hoạt động chính quý III/2014 giảm 76% so với quý III/2013 nguyên nhân do: Quý III/2014, hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng của Công ty giảm so với quý III/2013. Công ty đang tập chung cung cấp vật liệu xây dựng cho công trình xây dựng nhà máy gạch tuynel Phong Phú tại Hòa Bình, hiện tại Công trình nhà máy gạch tuynel Phong Phú đang trong giai đoạn hoàn thiện chờ

quyết toán. Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng quý III/2014 cao hơn quý III/2013 là 154% . Tuy nhiên doanh thu hoạt động vận tải giảm, đạt 1.3 tỷ đồng, bằng 23% doanh thu hoạt động này quý III/2013.

Doanh thu hoạt động tài chính quý III/2014 giảm 80% so với quý III/2013 .

2. Giải trình chênh lệch chi phí

- Giá vốn hàng bán quý III/2014 giảm 79% so với quý III/2013 nguyên nhân do: Doanh thu quý II/2014 tăng nên dẫn đến giá vốn hàng bán giảm.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp quý III/2014 giảm 45% so với quý III/2013 nguyên nhân do: Công ty quý III/2014 đã cắt giảm nhân sự ở bộ phận quản lý và giảm chi phí đi lại.
- Chi phí bán hàng quý III/2014 giảm 30% so với quý III/2013 nguyên nhân do: Doanh thu bán hàng quý III/2014 giảm, đồng thời công ty cắt bỏ chế độ hậu mãi chờ hàng đến tận công trình cho khách hàng dẫn đến chi phí bán hàng giảm.

3. Giải trình về chênh lệch lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế quý III/2014 tăng 59% so với quý III/2013 nguyên nhân do: Quý III/2014 Công ty đang thực hiện dở dang công trình nhà máy gạch Phong Phú, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện chưa quyết toán, Lợi nhuận gộp hoạt động này đạt 0.831 tỷ đồng, chiếm 92% doanh thu thuần. Bên cạnh đó, việc phát triển thêm hoạt động kinh doanh vận tải trong quý III/2014 đã mang lại cho Công ty thêm một khoản Lợi nhuận gộp là 1.3 tỷ đồng, chiếm 8% doanh thu thuần, dẫn đến tổng Lợi nhuận gộp Quý III/2014 tăng.

Trên đây là nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh báo cáo hợp nhất quý III/2014 so với quý III/2013 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIÊN TRUNG**

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Uy

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2014

Thái Bình, tháng 11 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1- 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10- 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 – 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Quế	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Hoàng Văn Ty

Giám đốc

Thái Bình, ngày 10 tháng 11 năm 2014.

ĐƠN VỊ: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung

ĐỊA CHỈ: Cụm công nghiệp Trà Lý - Tân Lương - Tiền Hải - Thái Bình

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55,447,286,106	30,558,239,414
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6,704,038,990	1,154,351,410
1. Tiền	111		6,704,038,990	1,154,351,410
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23,350,756,820	11,373,825,179
1. Phải thu khách hàng	131		9,564,517,620	11,206,904,239
2. Trả trước cho người bán	132		13,786,239,200	165,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	1,920,940
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		18,676,631,364	17,574,351,243
1. Hàng tồn kho	141		18,676,631,364	17,574,351,243
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,715,858,932	455,711,582
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		435,404,274	435,563,198

2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		30,454,658	20,148,384
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6,250,000,000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11,216,199,224	12,626,017,176
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		11,046,325,262	12,294,756,166
1. Tài sản cố định hữu hình	221		11,046,325,262	12,294,756,166
- Nguyên giá	222		15,711,438,943	15,711,438,943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,665,113,681)	(3,416,682,777)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-

3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		169,873,962	331,261,010
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		169,873,962	331,261,010
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		66,663,485,330	43,184,256,590
NGUỒN VỐN			-	-
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11,305,101,423	5,747,359,918
I. Nợ ngắn hạn	310		11,305,101,423	5,747,359,918
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		7,718,853,980	3,871,940,744
3. Người mua trả tiền trước	313		2,712,480,891	757,663,631
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		843,038,217	1,082,755,543
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	35,000,000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		30,728,335	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-

5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55,358,383,907	37,436,896,672
I. Vốn chủ sở hữu	410		55,358,383,907	37,436,896,672
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52,500,000,000	35,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2,858,383,907	2,436,896,672
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		66,663,485,330	43,184,256,590
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

Địa chỉ: Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính

Quý 03 năm tài chính 2014

Mẫu số B 01 - DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT - QUÝ 3.2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6,948,318,407	9,157,334,973	16,297,388,922	26,788,116,061
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6,948,318,407	9,157,334,973	16,297,388,922	26,788,116,061
4. Giá vốn hàng bán	11		6,099,186,804	7,724,840,254	13,601,033,106	20,413,102,487
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		849,131,603	1,432,494,719	2,696,355,816	6,375,013,574
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		89,594	112,402	1,031,100	863,498
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	2,909,589
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	2,909,589
8. Chi phí bán hàng	24		277,410,745	914,068,320	734,250,339	4,529,727,824
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		378,719,765	847,131,937	1,356,477,176	1,871,705,632
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (24+25)}	30		193,090,687	(328,593,136)	606,659,401	(28,465,973)
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-

12. Chi phí khác	32	-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40	-	-	-	-
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	193,090,687	-	606,659,401	75,031,791
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	61,110,193	-	185,172,166	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	131,980,494	(328,593,136)	421,487,235	(103,497,764)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	-	-	-	-

Lập, ngày 10 tháng 11 năm 2014

GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên)



Vũ Thị Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG

Địa chỉ: Xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT - PPGT - QUÝ 03.2014

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		606,659,401	466,160,548
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1,248,430,904	814,693,929
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	1,771,353
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1,855,090,305	1,282,625,830
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18,237,237,915)	13,082,947,620
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,102,280,121)	(3,521,008,786)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5,372,569,339	(5,941,747,287)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		161,545,972	(604,637,145)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(91,536,828)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-

- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	89,765,474
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11,950,312,420)	4,296,408,878
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(427,034,545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	323,300,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(103,734,545)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	17,500,000,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2,876,856,701)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17,500,000,000	(2,876,856,701)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	5,549,687,580	1,315,817,632
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,154,351,410	836,309,048

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		6,704,038,990	2,152,126,680



Hoàng Văn Ty

Giám đốc

Thái Bình, ngày 10 tháng 11 năm 2014.

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 26/04/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014 là 52.500.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập

<u>Danh sách cổ đông sáng lập</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị cổ phần(VNĐ)</u>	<u>Tỷ Lệ(%)</u>
Hoàng Văn Ty	655.400	6.554.000.000	18,73
Nguyễn Tuyết Nhung	500.000	5.000.000.000	14,29
Nguyễn Thị Mến	275.000	2.750.000.000	7,86
Đặng Ngọc Thông	157.500	1.575.000.000	4,50
Hoàng Thị Kim	157.500	1.575.000.000	4,50
<u>Cộng</u>	<u>1.745.400</u>	<u>17.454.000.000</u>	<u>49,87</u>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2014 là 98 người (tại 31/12/2013 là 142 người).

Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rã, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát..., sản xuất đá xây dựng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty con là:

Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đạc cố định trong nhà cách điện bằng gốm; sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hóa học và các sản phẩm công nghiệp; sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hóa; sản xuất đồ nội thất bằng gốm; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (công ty Mẹ) và báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình (công ty Con) do Công ty kiểm soát 100% được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời

điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 30/09/2014 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm sử dụng</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	9-15
Máy móc thiết bị	11-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	3-10

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối kỳ <u>VND</u>	Đầu kỳ <u>VND</u>
Tiền mặt	6.646.909.042	1.150.873.763
Tiền gửi ngân hàng	57.129.948	3.615.868
	<u>6.704.038.990</u>	<u>1.154.489.631</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Cuối kỳ <u>VND</u>	Đầu kỳ <u>VND</u>
Công ty cổ phần Đầu tư Trường Giang	-	3.060.755.500
Công ty TNHH Long triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Công ty cổ phần xây lắp Tây Sơn	232.964.620	232.964.620
Công ty TNHH Thiên An Sơn	979.969.899	394.607.201
Công ty TNHH Xây dựng Trường Tín	821.674.000	821.674.000
Công ty TNHH nguyên liệu gốm sứ Hoàng Anh	-	2.173.568.000
CN Tiền Hải- Công ty cổ phần đầu tư kinh tế Hồng Hà	5.500.000.000	
Các đối tượng khác	728.809.098	3.222.234.915

9.564.517.620 **11.206.904.239**

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>Cuối kỳ</u> <u>VNĐ</u>	<u>Đầu kỳ</u> <u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.949.526.420	1.632.973.796
Hàng hóa	2.368.164.613	2.582.437.116
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.358.940.331	13.358.940.331
	<u>18.676.631.364</u>	<u>17.574.351.243</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VNĐ</u>	Máy móc, thiết bị <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	7.454.066.769	2.876.147.186	5.381.224.988	15.711.438.943
Mua trong năm	-	-	-	-
Ghi tăng do XDCB	-	-	-	-
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2014	7.454.066.769	2.876.147.186	5.381.224.988	15.711.438.943
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Tại ngày 01/01/2014	959.352.304	1.060.078.609	1.397.251.864	3.416.682.777
Khấu hao trong kỳ	607.356.859	191.477.480	449.596.563	1.248.430.902
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2014	1.596.709.163	1.251.556.089	1.846.848.427	4.665.113.679
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2014	<u>6.494.714.465</u>	<u>1.816.068.577</u>	<u>3.983.973.124</u>	<u>12.294.756.166</u>
Tại ngày 30/09/2014	<u>5.857.357.606</u>	<u>1.624.591.097</u>	<u>3.534.376.561</u>	<u>11.046.325.262</u>

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Công ty TNHH thương mại Hà Căn	440.002.250	-
Công ty TNHH Hùng Linh	-	230.198.684
Công ty TNHH Hiền Anh	148.106.000	148.106.000
Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Nhân Hậu	405.250.000	405.250.000
Công ty TNHH Đức Thanh	-	215.413.000
Công ty TNHH VLXD 668 Ninh Cường	-	807.840.000
Công ty TNHH đầu tư TM và sản xuất Trung Hòa	3.721.300.000	
Công ty TNHH đầu tư TM vận tải Hoàng Phương	1.751.200.000	
Khác	1.658.245.730	2.065.133.063
	<u>7.718.853.980</u>	<u>3.871.940.744</u>

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	320.672.333	745.561.824
Thuế thu nhập doanh nghiệp	517.789.043	332.616.878
Thuế TNCN	4.576.841	4.576.841
	<u>843.038.217</u>	<u>1.082.755.543</u>

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Vốn điều lệ</u> <u>VND</u>	<u>Lợi nhuận chưa</u> <u>phân phối</u> <u>VND</u>	<u>Cộng</u> <u>VND</u>
Số dư ngày 01/01/2014	<u>35.000.000.000</u>	<u>2.638.380.498</u>	<u>37.638.380.498</u>
- Tăng vốn trong kỳ	17.500.000.000	-	17.500.000.000
- Lãi kinh doanh	-	379.345.095	379.345.095
- Tăng khác	-	-	-
Số dư ngày 30/09/2014	<u>52.500.000.000</u>	<u>3.017.725.593</u>	<u>55.517.725.593</u>

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 7		Vốn đã góp	
	VND	%	30/06/2014	01/01/2014
	VND		VND	VND
Nguyễn Xuân Khoa	9.000.000.000	17,1%	9.000.000.000	-
Hoàng Văn Ty	6.554.000.000	12,5%	6.554.000.000	6.554.000.000
Nguyễn Tuyết Nhung	5.000.000.000	9,5%	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thị Mến	2.750.000.000	5,2%	2.750.000.000	2.750.000.000
Nguyễn Thị Kim	2.500.000.000	4,8%	2.500.000.000	-
Nguyễn Văn Nam	2.400.000.000	4,6%	2.400.000.000	-
Nguyễn Thị Linh	2.000.000.000	3,8%	2.000.000.000	-
Vũ Văn Vân	1.600.000.000	3,0%	1.600.000.000	-
Đặng Ngọc Thông	1.575.000.000	3,0%	1.575.000.000	1.575.000.000
Hoàng Thị Kim	1.575.000.000	3,0%	1.575.000.000	1.575.000.000
Các cổ đông khác	17.546.000.000	33,4%	17.546.000.000	17.546.000.000
Cộng	52.500.000.000	100%	52.500.000.000	35.000.000.000

11. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý III/2014	Quý III/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	5.663.396.273	3.596.485.062
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.284.922.134	5.560.849.911
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
	6.948.318.407	9.157.334.973

12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý III/2014	Quý III/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.383.552.641	2.741.979.953
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	715.634.163	4.982.860.301
	6.099.186.804	7.724.840.254

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Quý III/2014	Quý III/2013
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Lãi tiền gửi	89.594	112.402
	<u>89.594</u>	<u>112.402</u>

14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý III/2014	Quý III/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	193.090.687	(328.593.136)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	193.090.687	(328.593.136)
Thuế suất	22%	-
Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp	61.110.193	-
Thuế thu nhập Doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(328.593.136)
Thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	131.980.494	-

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty không phát sinh sự kiện sau ngày khóa sổ nào có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính Quý III/2014 của Công ty.



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 10 tháng 11 năm 2014

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng